TT KĐCLGD THĂNG LONG
HỘI ĐỒNG KĐCLGD

Số: 06/NQ-HĐKĐCLGD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học của Học viện Phụ nữ Việt Nam

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 536/QĐ-KĐCLGDTL ngày 06/9/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học của Học viện Phụ nữ Việt Nam;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 17 ngày 15/02/2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học của Học viện Phụ nữ Việt Nam. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học của Học viện Phụ nữ Việt Nam đúng quy định hiện hành.

Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đã rà soát, thẩm định kết quả đánh giá và nhất trí điều chỉnh mức đánh giá Tiêu chí 6.7 từ mức 4 thành mức 5.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học của Học viện Phụ nữ Việt Nam sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá "Đạt" từ 4 điểm trở lên là 47 tiêu chí (chiếm 94%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Học viện Phụ nữ Việt Nam cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học cho Học viện Phụ nữ Việt Nam theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Học viện Phụ nữ Việt Nam;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ GIÁO DỤC HÀ NỘI
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC THĂNG LONG

Nguyễn Văn Đường

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CỦA HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐKĐCLGD ngày 24/02/2025 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		4,00	3	100
Tiêu chí 1.1	4			
Tiêu chí 1.2	4			
Tiêu chí 1.3	4			
Tiêu chuẩn 2		3,67	2	66,67
Tiêu chí 2.1	4			
Tiêu chí 2.2	3			
Tiêu chí 2.3	4			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.1	4			
Tiêu chí 3.2	3			
Tiêu chí 3.3	4			
Tiêu chuẩn 4		4,00	3	100
Tiêu chí 4.1	4			
Tiêu chí 4.2	4			
Tiêu chí 4.3	4			
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80
Tiêu chí 5.1	4			
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	3			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chí 5.5	4			
Tiêu chuẩn 6		4,29	7	100
Tiêu chí 6.1	4			
Tiêu chí 6.2	5			
Tiêu chí 6.3	4			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	4			
Tiêu chí 6.6	4			
Tiêu chí 6.7	5			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100
Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chuẩn 8		4,20	5	100
Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	5			
Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 9		4,00	5	100
Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chuẩn 10		4,17	6	100
Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 10.2	5			
Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chuẩn 11		4,20	5	100
Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 11.3	5			
Tiêu chí 11.4	4			
Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
4,04	**47**	**94**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ GIÁO DỤC HÀ NỘI
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC THĂNG LONG

Phụ lục II

KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CỦA HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐKĐCLGD ngày 24/02/2025 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học của Học viện Phụ nữ Việt Nam, giai đoạn 2019 - 2024 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lí giáo dục của Học viện, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học được quy định trong Luật Giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra được của CTĐT được xác định thể hiện rõ yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được công bố công khai bằng các hình thức và phương tiện khác nhau để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

2. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các thông tin theo quy định, được cập nhật những vấn đề mới của lĩnh vực ngành đào tạo thông qua việc tham khảo ý kiến của các bên liên quan và tham khảo CTĐT cùng ngành của các trường đại học trong nước và quốc tế. Đề cương chi tiết các học phần có đầy đủ thông tin cần thiết, được rà soát, cập nhật. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết được công bố công khai, sinh viên được phổ biến tại tuần sinh hoạt công dân, trực tiếp trên lớp hoặc trên lớp học trực tuyến LMS.

3. Nội dung và cấu trúc của chương trình dạy học được thiết kế theo chuẩn đầu ra của CTĐT, với các khối kiến thức và các học phần tương ứng. Tổ hợp các phương pháp dạy, học và phương pháp kiểm tra đánh giá người học được xác định phù hợp với tính chất, nội dung, yêu cầu của các học phần. Nội dung các học phần thể hiện được sự tương thích và mức đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT. Các ma trận kỹ năng được xây dựng đã thể hiện sự đóng góp nhất định của học phần vào các chuẩn đầu ra của chương trình dạy học. Các đề cương chi tiết học phần đều xác định rõ phương pháp dạy và học hướng đến đạt chuẩn đầu ra; tổ hợp các phương thức đánh giá kết quả học tập phù hợp bao gồm kiểm tra thường xuyên, thi giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

4. Triết lý giáo dục của Học viện được ban hành và đăng tải công khai trên website và được phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phong phú và đa dạng, hướng tới mục tiêu giáo dục của Học viện và ngành đào tạo, đạt được các chuẩn đầu ra đã tuyên bố, cũng như nâng cao khả năng học tập suốt đời của sinh viên. Hoạt động giảng dạy được điều chỉnh khi CTĐT được rà soát, điều chỉnh hàng năm theo hướng tăng tính thực tế và tính tính cực của sinh viên trong học tập. Đa số

các học phần đều yêu cầu và giành thời gian cho sinh viên tự đọc/tự nghiên cứu tài liệu với khoảng thời gian phù hợp theo số tín chỉ của học phần.

5. Hệ thống các văn bản quy định về đánh giá kết quả của người học được ban hành đầy đủ và thông báo công khai. Người học được phổ biến đầy đủ về các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trong tuần lễ sinh hoạt giáo dục định hướng từ khi mới nhập học, được làm quen với Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện. Người học hài lòng về việc phản hồi, khiếu nại kết quả học tập.

6. Việc quy hoạch, tuyển dụng và bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, quản trị công việc, đánh giá công việc của đội ngũ giảng viên được quy định đầy đủ, rõ ràng. Quy trình tuyển dụng thực hiện theo ISO 9001:2015 các phiên bản năm 2019, sửa đổi năm 2022. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên cao hơn nhiều so với mục tiêu chiến lược đã ban hành. Khối lượng công việc của giảng viên được xác định và quy đổi rõ ràng theo từng vị trí việc làm, làm cơ sở để đánh giá, xếp loại, chi trả thu nhập… Việc xác định, đánh giá năng lực giảng viên được rà soát, cải tiến theo thời gian. Công tác đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện đáp ứng nhu cầu của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên. Việc quản trị công việc của giảng viên, nghiên cứu viên được thực hiện tốt, có sử dụng phần mềm để theo dõi, có quy định đầy đủ về loại hình và số lượng hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên, nghiên cứu khoa học đạt kết quả khá tốt thể hiện qua các sản phẩm trong nước lẫn nước ngoài.

7. Đội ngũ nhân viên được quy định rõ ràng trong bảng mô tả, định mức vị trí việc làm. Tiêu chí tuyển chọn, bổ nhiệm, điều chuyển được quy định rõ ràng, công bố công khai. Quy định tuyển dụng và bổ nhiệm và sử dụng đội ngũ nhân viên được quy định rõ ràng. Năng lực đội ngũ nhân viên được đánh giá, công nhận đúng quy định. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên được thực hiện theo quy định về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức, người lao động, có báo cáo kết quả cụ thể theo từng năm.

8. Chính sách, quy định, tiêu chí, phương thức tuyển sinh được xác định rõ ràng, đúng quy định, được rà soát và công bố công khai hàng năm. Hoạt động tư vấn tuyển sinh tiến hành đa dạng về hình thức, qua nhiều kênh và hiệu quả. Hoạt động giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của sinh viên được quy định rõ ràng, có bộ phận/cán bộ chuyên trách triển khai thực hiện. Hoạt động hướng nghiệp, tư vấn giới thiệu việc làm cho sinh viên được tổ chức phong phú, đa dạng, hiệu quả. Môi trường cảnh quan, môi trường tâm lí, xã hội an toàn, thân thiện, đáp ứng hoạt động học tập, sinh hoạt của sinh viên. Sinh viên hài lòng với hoạt động tư vấn, hỗ trợ, môi trường cảnh quan, môi trường tâm lí, xã hội của Học viện.

9. Hệ thống phòng học, phòng làm việc, hội trường và các phòng chức năng và trang thiết bị phù hợp đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu. Thư viện được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, được thiết kế thư viện mở thoáng mát, yên tĩnh có không gian đọc dành riêng cho cán bộ, giảng viên và cho sinh viên; có nguồn học liệu, đáp ứng nhu cầu học tập và giảng dạy. CTĐT có phòng thực hành chuyên phục vụ chuyên ngành và thực hành tin học chung với các ngành đào tạo khác được trang bị đầy đủ các thiết bị để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hệ

thống công nghệ thông tin như máy tính, hạ tầng và các phần mềm hỗ trợ có bản quyền, đầy đủ, được duy tu, bảo dưỡng và đầu tư nâng cấp hằng năm phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học, đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy. Công tác an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh an toàn thực phẩm được quy định rõ ràng, được quản lý và thực hiện hiệu quả.

10. Hệ thống thu thập, xử lý thông tin phục vụ cho rà soát, thiết kế, phát triển CTĐT được xây dựng và thực hiện. Quy trình thiết kế, phát triển CTĐT của Học viện được xây dựng theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2015 được công nhận, rà soát, cải tiến trong chu kỳ đánh giá. Quy định việc rà soát, đánh giá các phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập nhằm đảm bảo sự tương thích với chuẩn đầu ra. Đội ngũ giảng viên thực hiện CTĐT tích cực tham gia nghiên cứu khoa học và có các nghiên cứu ứng dụng vào giảng dạy cũng như cải tiến hoạt động dạy và học. Các dịch vụ hỗ trợ người học được đánh giá và cải tiến góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được quy định từ Ban giám đốc đến các cơ quan đơn vị và được đánh giá, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng.

11. Tỉ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên được xác lập, giám sát và cập nhật hằng năm. Tỉ lệ sinh viên thôi học có xu hướng giảm và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn có xu hướng tăng trong chu kỳ đánh giá. Học viện đã có những hoạt động hỗ trợ, tư vấn hướng nghiệp giúp sinh viên tìm kiếm việc làm và nhờ đó mà tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm tương đối cao (94,4%) và có việc làm phù hợp với chuyên môn đào tạo đạt 80,9%. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên khá tốt, thể hiện qua việc thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu, đạt nhiều giải thưởng các cấp, có công bố quốc tế và trong nước cùng với giảng viên. Mức độ hài lòng của các bên liên quan đã được khảo sát, đối sánh giữa các lần khảo sát để cải tiến chất lượng.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Thực hiện khảo sát thị trường lao động, tích hợp các yêu cầu thực tế vào việc xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT; tham khảo và đối sánh sâu sắc hơn với các CTĐT của các trường đại học trong nước và quốc tế; cải tiến việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan khi rà soát, cập nhật mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT cả về phương pháp, quy mô lẫn đối tượng khảo sát; ban hành văn bản hướng dẫn/quy trình cụ thể về xây dựng và cập nhật CTĐT, phổ biến và tập huấn rộng rãi để cán bộ, giảng viên hiểu nội dung, bản chất mục tiêu CTĐT/học phần, chuẩn đầu ra của CTĐT/học phần/bản mô tả CTĐT, chương trình dạy học…; rà soát, tăng cường hơn nữa sự tương thích giữa các chuẩn đầu ra với mục tiêu CTĐT; chỉnh sửa để các chuẩn đầu ra có thể đo lường thuận lợi, làm cơ sở cho thiết kế chương trình dạy học.

2. Tăng cường việc đăng tải, công bố bản mô tả CTĐT bằng nhiều phương thức truyền thông, quảng bá; cập nhật bản so sánh giữa các phiên bản của bản mô tả CTĐT, bổ sung các hình thức dễ tiếp cận hơn cho các bên liên quan như tờ rơi giới thiệu CTĐT, sổ tay sinh viên theo từng ngành đào tạo riêng biệt; chú trọng rà soát chuẩn đầu ra cũng như mô tả mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT; rà soát các thông tin về kiểm tra đánh giá trong các bảng rubics chi tiết.

3. Hoàn thiện ma trận giữa các khối kiến thức và chuẩn đầu ra học phần; ma trận đáp ứng giữa các chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra CTĐT; xây dựng ma trận giữa chuẩn đầu ra và phương pháp giảng dạy, ma trận giữa chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra đánh giá, thống nhất các ma trận này trong tất cả các văn bản ban hành chính thức; tăng cường sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại, tăng cường quy mô và tầm vóc của các bài tập đồ án/dự án hỗ trợ hồ sơ xin việc cho sinh viên sau này.

4. Hướng dẫn việc lồng ghép các giá trị giáo dục vào nội dụng CTĐT và trong quá trình thiết kế, cập nhật CTĐT; đánh giá mức độ phù hợp của các phương pháp giảng dạy đã áp dụng để đạt được chuẩn đầu ra, quan tâm hơn nữa đến hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy của giảng viên, đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy và học, phát triển hình thức học tập trải nghiệm, đồng thời tích cực ứng dụng công nghệ thông tin và các phần mềm mới chuyên dụng thuộc lĩnh vực truyền thông và báo chí; bổ sung vào đề cương học phần hoạt động giám sát, hỗ trợ của giảng viên giúp sinh viên thực hiện việc tự học để có cơ sở đánh giá kết quả tự học của sinh viên; tăng cường tổ chức các khóa học rèn luyện kỹ năng cho sinh viên, khuyến khích sinh viên nghiên cứu khoa học, xây dựng và phát triển các câu lạc bộ học thuật, tăng cường hoạt động ngoại khóa nhằm phát triển các kỹ năng thiết yếu cho người học.

5. Ban hành quy định/hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp/công cụ kiểm tra đánh giá phù hợp với mục đích/mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được chuẩn đầu ra; làm rõ phương pháp kiểm tra đánh giá tương thích với các chuẩn đầu ra; phân tích kết quả đánh giá học phần của người học để xác định độ tin cậy của đề thi, độ tin cậy của phương pháp kiểm tra đánh giá, từ đó đưa ra đề xuất cải tiến phương pháp kiểm tra đánh giá và công tác ra đề thi; bổ sung thang điểm đánh giá theo Rubics đảm bảo tính chính xác thuộc các khối kiến thức và kỹ năng quy định trong đề cương chi tiết, đảm bảo tính cân đối giữa các yêu cầu chuẩn đầu ra của học phần, phù hợp với triết lý giáo dục và định hướng giáo dục của Học viện.

6. Rà soát, điều chỉnh một số chỉ tiêu phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên trong Chiến lược/Kế hoạch chiến lược cho phù hợp với tình hình mới; xây dựng kế hoạch dài hạn đầy đủ các nội dung để đảm bảo đội ngũ giảng viên, nhất là giảng viên có chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo có trình độ tiến sĩ và chức danh khoa học; xây dựng, ban hành bộ chỉ số đánh giá năng lực KPIs để đánh giá đầy đủ các năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên; đa dạng hình thức đào tạo bồi dưỡng chuyên môn cho giảng viên ở trong và ngoài nước

(tạo điều kiện và khai thác kinh phí từ tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để giảng viên đi hội thảo, trao đổi học tập quốc tế); xây dựng và ban hành quy chế tuyển dụng lao động trên cơ sở quy định của cấp trên và yêu cầu phát triển của Học viện; lập kế hoạch hoạt động khoa học dài hạn theo mục tiêu trong Chiến lược phát triển của Học viện; đối sánh kết quả nghiên cứu khoa học giữa các khoa/CTĐT làm căn cứ đánh giá hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học giữa các đơn vị để hàng năm điều chỉnh, cải tiến phù hợp.

7. Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ nhân viên theo giai đoạn, dựa trên quy mô đào tạo và lĩnh vực đào tạo của Học viện làm căn cứ để giám sát, đánh giá và điều chỉnh bảng mô tả, định mức vị trí việc làm; khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng làm căn cứ xây dựng kế hoạch dài hạn nhằm phát triển kỹ năng, nghiệp vụ các vị trí theo đề án vị trí việc làm và bộ chỉ số đánh giá KPIs; rà soát Quy định đánh giá kết quả công việc trên cơ sở lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để điều chỉnh cho phù hợp với mục tiêu phát triển của Học viện nhằm khuyến khích động viên nhân viên nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc.

8. Xây dựng kế hoạch và triển khai việc khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực để đưa ra dự báo nhu cầu nguồn nhân lực làm cơ sở xây dựng chính sách tuyển sinh phù hợp; phân tích dữ liệu tuyển sinh và mối liên quan giữa kết quả tuyển sinh với sinh viên trúng tuyển nhưng không nhập học/sinh viên xin thôi học/kết quả học tập của sinh viên năm thứ nhất để làm căn cứ điều chỉnh phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu mỗi phương thức tuyển sinh và tập trung vào "thị trường tuyển sinh tiềm năng"; phân tích nguyên nhân, đề xuất biện pháp hỗ trợ sinh viên cải thiện kết quả học tập, giảm tỉ lệ thôi học; tăng tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng tiến độ học tập; tổ chức seminar chia sẻ kỹ năng, kinh nghiệm trong công tác cố vấn học tập, hỗ trợ sinh viên; bổ sung cố vấn học tập nắm vững CTĐT, nhiệt tình, có kĩ năng cố vấn để giảm số lượng sinh viên/cố vấn học tập; phát huy vai trò của cựu sinh viên/câu lạc bộ cựu sinh viên trong hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm cho sinh viên; rà soát Quy chế khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan, bổ sung đối tượng khảo sát liên quan, điều chỉnh số lượng khảo sát, câu hỏi khảo sát; thực hiện khảo sát, lấy ý kiến định kì của các bên liên quan về việc xây dựng chính sách tuyển sinh, tiêu chí và phương thức tuyển sinh; về hoạt động hỗ trợ sinh viên trong học tập, ngoại khóa; định hướng nghề nghiệp, giới thiệu việc làm cho sinh viên; về mức độ hài lòng môi trường tâm lý, xã hội…; phân tích kết quả khảo sát để có cải tiến phù hợp, hiệu quả.

9. Bố trí đủ diện tích phòng làm việc cho lãnh đạo khoa, phòng bộ môn, chỗ ngồi làm việc cho giảng viên đảm bảo đủ không gian cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; rà soát toàn bộ phần giáo trình, tài liệu tham khảo trong đề cương học phần để có kế hoạch viết, mua bổ sung, cập nhật nguồn học liệu đảm bảo cho sinh viên có đủ học liệu phục vụ học tập và nghiên cứu khoa học theo quy định; đầu tư, nâng cấp phòng thực hành mô phỏng khách sạn với đầy đủ các trang thiết bị chuyên dùng, nhằm đáp ứng hơn nữa nhu cầu về thực hành chuyên môn theo đúng yêu cầu của CTĐT; rà soát, điều chỉnh bộ câu hỏi lấy ý kiến của người học và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của hệ thống công nghệ thông tin một cách chuyên sâu đảm bảo xác định được vấn đề

cần cải tiến; ban hành quy định, giám sát việc thực hiện các quy định, tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an ninh, an toàn trong Học viện; định kỳ tổ chức đánh giá mức độ độc hại môi trường và an toàn sức khỏe lao động để có kế hoạch điều chỉnh, cả tiến nhằm nâng cao chất lượng môi trường học tập và làm việc.

10. Khảo sát, lấy ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học cùng chuyên ngành ở ngoài học viện về nhu cầu, yêu cầu về năng lực các vị trí việc làm làm cơ sở xây dựng/rà soát CTĐT; ban hành quy định về rà soát, đánh giá các quy trình thiết kế, phát triển CTĐT và quy định về rà soát hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá; có chính sách khuyến khích giảng viên, nghiên cứu về phát triển chương trình dạy học, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá; xây dựng và ban hành quyết định thành lập, ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng Đảm bảo chất lượng bên trong của Học viện, xác định cơ chế kết nối hiệu quả nâng cao chất lượng hoạt động.

11. Có giải pháp hiệu quả hơn để tiếp tục giảm tỉ lệ sinh viên thôi học và chậm tốt nghiệp; nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo với việc bổ sung chức năng thống kê báo cáo, lưu trữ tỉ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên các khoá đào tạo; phân tích sâu hơn kết quả khảo sát việc làm của sinh viên để cải tiến CTĐT và phương pháp giảng dạy; nâng cao chất lượng đối sánh về tỉ lệ sinh viên thôi học, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp, kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên với sinh viên cùng CTĐT của các trường đại học khác để cải tiến chất lượng; cải tiến hoạt động khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan để kết quả khảo sát thực sự có ý nghĩa trong việc nâng cao chất lượng CTĐT.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện, trình độ đại học của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.